TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hải Phú và bà Trần Thị Ngọc Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hải Y, sinh năm: 2002; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế C, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Đ, thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Phan Thị Hải Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/01/2021. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu

thuẫn. Nguyên nhân do anh C đánh đập chị, mặc dù anh nhận thức được và vài lần xin lỗi chị nhưng sau đó vẫn tiếp tục đánh đập chị. Vì không chung sống được nữa nên chị và anh C sống ly thân nhau vào tháng 6 năm 2023, từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Thế C.

- Về con chung: chị xác định có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020. Chị có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh C có ngĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thế C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Giấy triệu tập để anh C tham gia tố tụng nhưng anh C không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B xác định được: "Ủy ban nhân dân xã đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tống đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Thế C. Lý do anh C vắng mặt tại các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án thì Ủy ban nhân dân xã không rõ".

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thế C trình bày:

Anh đã nhận được đơn xin ly hôn cùng tài liệu kèm theo của chị Phan Thị Hải Y. Được biết Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn. Tuy nhiên do điều kiện công việc không trực tiếp đến Tòa án giải quyết vụ án theo triệu tập, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Hải Y kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/01/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Nay chị Y xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- Về con chung: anh xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020. Anh trình bày do điều kiện kinh tế hiện nay thu nhập không ổn định, đồng thời cung cấp bảng thu nhập trên cơ sở chấm công được đại diện công ty ký xác nhận của các tháng 5, 6, 7 năm 2024 với mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 4.300.000 đồng nên anh không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị Y, anh đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con cùng chị Y với số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Phan Thị Hải Y và anh Nguyễn Thế C vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Hải Y, xử cho chị Phan Thị Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Thế C. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020 cho chị Phan Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Thế C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: chị Y và anh Công khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", buộc chị Phan Thị Hải Y chịu án phí ly hôn và anh Nguyễn Thế C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: chị Phan Thị Hải Y có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thế C, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn anh Nguyễn Thế C cư trú tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Về sự vắng mặt của đương sự: đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị yến và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống ly thân nhau. Anh, chị đều xác định tình cảm không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa chị Y và anh C là có thật, làm cho hôn nhân hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y, xử cho chị Phan Thị Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Thế C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh, chị có 01 con chung là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020. Chị Y có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh C chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị Y với số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

[2.2.1] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Phan Thị Hải Y: Hội đồng xét xử xét thấy anh C đồng ý giao con chung cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Khánh D cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này. Trường hợp anh C có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Y yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Y, Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Mặt khác, hiện nay con chung Nguyễn Khánh D đang ở độ tuổi đi học, để con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của con thì yêu cầu của chị Y buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Chị Y không có tài liệu chứng minh thu nhập của anh C nhưng tại Đơn xin xét xử vắng mặt anh C cung cấp

mức thu nhập cho Tòa án, trung bình khoảng 4.300.000/tháng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Anh C hiện đang cư trú tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình, thuộc khu vực 3, mức lương tối thiểu vùng là 3.860.000 đồng. Trên cơ sở thu nhập hàng tháng của anh C, mức mà chị Y yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng là cao so với khả năng thực tế và nhu cầu thiết yếu của anh C. Để đảm bảo cuộc sống của anh C cũng như chi phí nuôi dưỡng và học tập của con chung, đối chiếu với quy định của pháp luật, cần xem xét buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng để cùng chị Y nuôi con là phù hợp. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y, mức cấp dưỡng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng từ khi xét xử sơ thẩm tháng 9 năm 2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Hải Y chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

Anh Nguyễn Thế C chịu nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về "Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Phan Thị Hải Y và anh Nguyễn Thế C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Hải Y, xử cho chị Phan Thị Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Thế C.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phan Thị Hải Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Thế C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thế C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phan Thị Hải Y với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Hải Y chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003320 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Xác nhận chị Y đã nộp đủ. Anh Nguyễn Thế C chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND p. Quảng Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Anh Đức